TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023/DS–ST
Ngày: 10-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Tuôi
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 107/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trương Phạm Công B, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Số 188/89, ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1980 và ông Trần Văn C2, sinh năm 1982; Cùng nơi cư trú: Ấp T1, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

Ông C2 uỷ quyền cho bà C1 tham gia tố tụng theo văn bản uỷ quyền ngày 16/3/2023. Bà C1 có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Phạm Công B trình bày:

Ông Đoàn Văn Đ có thoả thuận bán thức ăn chăn nuôi gà cho vợ chồng ông Trần Văn C2 và bà Nguyễn Thị Kim C1 từ năm 2019, thức ăn nhãn hiệu NewHop – bao 25 kg, ông Đ bao cho ông C2, bà C1 đến khi bầy gà nào ra chuồng thì trả tiền mua thức ăn bầy nấy, khi bên ông C2, bà C1 kêu thức ăn thì ông Đ cho người giao đến nhà, bên ông C2, bà C1 sẽ ký nhận vào sổ theo dõi, mỗi bên giữ một sổ. Quá trình mua bán, bên ông C2 và bà C1 không thanh toán được hết tiền nợ. Đến ngày 14/10/2022 (âm lịch), hai bên tổng kết và chốt sổ, ông C2 và bà C1 còn nợ ông Đ tổng số tiền là 286.600.000 đồng. Ngày 18/12/2022 (âm lịch), bà C1 có trả cho ông Đ số tiền 500.000 đồng. Sau khi ông Đ khởi kiện ra Toà, bà C1 tính toán lại sổ sách phát hiện có sai lệch 500.000 đồng. Ông Đ cũng đồng ý. Như vậy hiện nay vợ chồng ông C2 và bà C1 chỉ còn nợ ông Đ tổng số tiền là 285.600.000 đồng.

Nay ông Đ yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn C2 và bà Nguyễn Thị Kim C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi gà tổng cộng là 285.600.000 (hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C1, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Trần Văn C2 trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa như sau:

Bà thống nhất như lời trình bày của phía nguyên đơn về nội dung thoả thuận, quá trình giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi gà giữa hai bên. Bà cho rằng vào khoảng thời gian cuối năm 2020, việc chăn nuôi gặp sự cố, gà bị bệnh dịch tả, chết nhiều dẫn đến thua lỗ nên bên bà không trả đủ tiền mua thức ăn cho ông Đ. Ông Đ cũng ngưng không cung cấp thức ăn cho bên bà. Ngày 16/6/2021 (âm lịch), ông Đ có bán lại thức ăn cho bên bà đến ngày 29/10/2021 (âm lịch) hai bên chính thức ngưng mua bán. Sau đó, bên bà cũng có thiện chí trả nợ nhiều lần cho ông Đ, mỗi lần trả 500.000 đồng. Đến ngày 14/10/2022 (âm lịch), hai bên tổng kết nợ, bên bà còn nợ ông Đ tổng số tiền là 286.600.000 đồng. Ngày 18/12/2022 (âm lịch) bà trả cho ông Đ thêm 500.000 đồng. Sau khi ông Đ khởi kiện, bà cộng sổ lại và thấy ông Đ cộng lệch 500.000 đồng. Như vậy, hiện nay vợ chồng bà chỉ còn nợ ông Đ tổng số tiền là 285.600.000 (hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng, bà và chồng bà là ông Trần Văn C2 đồng ý liên đới trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền trên, nhưng xin trả dần, mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Các giai đoạn tố tụng của vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ. Buộc bị đơn ông Trần Văn C2 và bà Nguyễn Thị Kim C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền nợ

mua thức ăn chăn nuôi gà tổng cộng là 285.600.000 (hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Văn C2 và bà Nguyễn Thị Kim C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi theo đơn khởi kiện tổng cộng là 286.600.000 đồng (tại phiên toà xác định lại số tiền là 285.600.000 đồng) nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đ có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông C2 và bà C1 có nơi cư trú tại ấp T1, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của ông Đ về việc buộc ông C2 bà và C1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ tổng cộng là 285.600.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Ông Đ và vợ chồng ông C2, bà C1 có thoả thuận mua bán thức ăn chăn nuôi gà từ năm 2019, thức ăn nhãn hiệu NewHop – bao 25 kg, hình thức mua bán là khi bên ông C2, bà C1 kêu thức ăn thì ông Đ cho người giao đến nhà, ông C2, bà C1 sẽ ký nhận vào sổ theo dõi, mỗi bên giữ một sổ, ông Đ sẽ bao cho ông C2, bà C1 đến khi bầy gà nào ra chuồng thì trả tiền mua thức ăn bầy nấy. Quá trình mua bán, bên ông C2, bà C1 không thanh toán được hết tiền mua thức ăn mà còn nợ lại. Đến ngày 14/10/2022 (âm lịch), hai bên tổng kết và chốt sổ, ông C2, bà C1 còn nợ ông Đ tổng số tiền là 286.600.000 đồng. Ngày 18/12/2022 (âm lịch), bà C1 có trả cho ông Đ số tiền 500.000 đồng. Sau khi ông Đ khởi kiện, ông Đ và bà C1 thống nhất việc cộng sổ có lệch 500.000 đồng. Do đó, số tiền hiện nay ông C2, bà C1 còn nợ ông Đ là 285.600.000 đồng. Tất cả các nội dung trên đều được các bên đương sự thống nhất thừa nhận. Như vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bà C1 là bị đơn, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của chồng bà là ông C2 cũng đồng ý liên đới trả cho ông Đ số tiền trên. Dó đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Đ không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà C1, ông C2 về việc xin trả dần số tiền 285.600.000 đồng, mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi hết nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có thoả thuận về việc nguyên đơn đồng ý cho

bị đơn trả dần. Tại phiên tòa, nếu các đương sự thoả thuận được phương án trả dần thì Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần. Mặt khác, cách thức trả nợ một lần hay nhiều lần thuộc giai đoạn thi hành án. Do đó, yêu cầu này của bà C1 và ông C2 không có cơ sở xem xét.

[5] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu án phí, bị đơn ông C2, bà C1 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ.

Buộc bị đơn ông Trần Văn C2 và bà Nguyễn Thị Kim C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi gà tổng cộng là 285.600.000 (hai trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.280.000 (mười bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng do ông Trần Văn C2 và bà Nguyễn Thị Kim C1 và có nghĩa vụ liên đới chịu.

Hoàn trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.165.000 (bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001168 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của C1 cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- C1 cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân